

Bản án số: 104/2017/HS-ST
Ngày 25-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Viễn

Ông Phạm Ngũ Lão

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:** Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2017/TLST- HS ngày 26 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Đỗ Thị N, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu: A2 tập thể Ủy ban khoa học xã hội, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số 406 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Đỗ Xuân L (đã chết); con bà: Phan Thị Đ; có chồng: Jame Trevor Noyes và 2 con, lớn sinh năm 2006 và nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 03/7/2017 đến ngày 06/7/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Bùi Thị Ngọc Th; sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu: 41B M, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang cư trú tại London, Vương Quốc Anh.

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:** Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1967; nơi cư trú: 41B M, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Trần Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 189 T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Chị Ngô Thị Phương A, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 60/14/61 P, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Anh Đỗ Trung Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Dương Xuân L, sinh năm 1959; đăng ký hộ khẩu: 169 M, phường Vi, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số 04/169 đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Công ty quảng cáo Nhất Tâm; địa chỉ: Số 827 đường Trường Chinh, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; người đại diện: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989. Vắng mặt.

3. Cửa hàng thời trang Áo phong xinh; địa chỉ: Số 4 L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1987; Vắng mặt.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn CP; địa chỉ: 53/53 ngõ V, phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1986; Vắng mặt.

5. Ông Đỗ Minh C, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 68 Quan Thổ 1, phố T, phường H, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

6. Chị Chu Thu Thảo, sinh năm 1985; địa chỉ: 3A1 Thủ Lệ I, phường Ngọc Khánh, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: Số 12 ngõ 97/24, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị N có mối quan hệ bạn bè quen biết với chị Bùi Thị Ngọc Th từ năm 2010. Tháng 12/2015 chị Th và N thỏa thuận cùng nhau hợp tác mở Trung tâm Anh ngữ Toàn Cầu tại thành phố N. Hai bên thống nhất, ban đầu do kinh tế của N khó khăn, chị Th có trách nhiệm chính về kinh phí phục vụ cho các hoạt động mở trung tâm, còn N có trách nhiệm thuê địa điểm đặt trụ sở, hoàn thiện các thủ tục pháp lý và mua sắm các trang thiết bị cho trung tâm. Sau khi, thống nhất xong chị

Th xuất cảnh sang Vương Quốc Anh học tập và bàn giao mọi việc liên quan đến trung tâm cho N ở Việt Nam thực hiện.

Từ ngày 13/12/2015 đến ngày 14/01/2016 chị Th chuyển về cho N 3 lần với tổng số tiền là 98 triệu đồng, mục đích để thuê địa điểm làm trụ sở hoạt động cho trung tâm, thuê thợ dán giấy tường cho trụ sở, làm biển quảng cáo, in áo đồng phục và mua máy tính cho trung tâm.

Cụ thể: Ngày 13/12/2015 chị Th thông qua bố dượng là ông Dương Xuân L; trú tại: Số 04/169 đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định chuyển trực tiếp cho N 60 triệu đồng. Ngày 30/12/2015 chị Th giao trực tiếp cho N 8.000.000đ ở đường Bà Triệu, thành phố Hà Nội. Ngày 14/01/2016 chị Th chuyển từ Vương Quốc Anh vào tài khoản số 0011004075555 của Ngân hàng Vietcombank cho N 30 triệu đồng.

Sau khi, nhận được tiền ngày 26/12/2015 N thanh toán 30 triệu đồng cho chị Trần Thị M để ký hợp đồng thuê nhà số 30 đường Phù Nghĩa, phường Hạ Long, thành phố N làm địa điểm mở trung tâm. Trong tháng 01/2016 N thanh toán 18 triệu đồng để thuê thợ, mua giấy dán tường, trang trí lại số nhà 30 đường Phù Nghĩa, đặt cọc 10 triệu đồng cho Công ty quảng cáo Nhất Tâm địa chỉ: Số 827 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố N để thuê làm biển quảng cáo; thanh toán số tiền 17.430.000đ để mua và in 210 chiếc áo đồng phục tại cửa hàng thời trang “áo phong xinh” số 04 phố Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; thanh toán số tiền 25.600.000đ mua 03 bộ máy vi tính để bàn và 01 máy in của Công ty trách nhiệm hữu hạn Cường Phát địa chỉ: 53/53 ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tổng số tiền N đã chi phí cho trung tâm là 101.030.000đ trong đó 98 triệu đồng chị Th đưa cho N, còn 3.030.000đ là tiền của N.

Sau đó, N đi tìm hiểu các thủ tục để thành lập Trung tâm như đến Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định, gặp một người phụ nữ tên là H tự giới thiệu là nhân viên của Sở nhận tiền và nhận lời giúp N làm thủ tục thành lập trung tâm, nhưng không có kết quả (xác minh tại Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định không có ai tên là H). N thấy hết hy vọng trong việc thành lập trung tâm, nên quyết định dừng mọi hoạt động, không làm thêm bất cứ việc gì để thành lập trung tâm nữa.

Trong thời gian này, cuộc sống gia đình N gặp nhiều khó khăn như chồng là Jame Trevor Noyes, quốc tịch: Canada bị tai nạn giao thông phải điều trị dài ngày tại bệnh viện, em trai là Đỗ Trung Q nợ tiền người khác, N cần tiền để duy trì cuộc sống. Vì vậy, N tiếp tục gọi điện thoại, nhắn tin với chị Th thông qua mạng xã hội Skype đưa ra các thông tin gian dối như cần tiền mua bàn ghế học sinh,

mua bảng tương tác, chi phí làm thủ tục thành lập trung tâm, để chị Th tiếp tục chuyển tiền về cho N. Chị Th tin tưởng đã chuyển về cho N 5 lần với tổng số tiền là 254.074.000đ. Cụ thể: Ngày 20/01/2016 chị Th thông qua chị Ngô Thị Phương A, ở 60 đường P, phường N, quận C, thành phố Hà Nội chuyển vào tài khoản Vietcombank của N số tiền 50 triệu đồng và thông qua ông Đỗ Minh C chuyển vào tài khoản Vietcombank của N số tiền 24.862.000đ; ngày 26/01/2016 chị Th thông qua ông Đỗ Minh C chuyển vào tài khoản Vietcombank của N số tiền 92.253.000đ; ngày 04/02/2016 chị Th gửi từ Vương Quốc Anh vào tài khoản Vietcombank của N số tiền 39.976.000đ; ngày 25/02/2016 chị Th thông qua ông Đỗ Minh C chuyển vào tài khoản Vietcombank của N số tiền 38.983.000đ; ngày 14/4/2016 N tiếp tục nói dối chị Th là cần phải mua phần mềm quản lý giáo dục, chị Th tin tưởng đã chuyển 8 triệu đồng vào tài khoản chị Chu Thu Thảo, sinh năm 1985, trú tại: 3A1, Thủ Lệ 1, phường Ngọc Khánh, thành phố Hà Nội theo yêu cầu của N.

Sau khi nhận được tiền, N đã trả nợ cho em trai hết 130 triệu đồng, số tiền còn lại mua thuốc chữa bệnh cho chồng và mua sắm, chi tiêu cá nhân hết.

Đến tháng 5/2016 chị Th về Việt Nam, phát hiện N lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N. Ngày 13/4/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đỗ Thị N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 03/5/2017 chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Sau đó, N bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 29/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Nam Định ra lệnh truy nã đến ngày 03/7/2017 thì bắt được N.

Tại Công an thành phố N, ngày 09/7/2016 N trả cho chị Th 67.800.000đ; ngày 01/9/2016 trả 100 triệu đồng. Ngày 20/5/2016 thông qua bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số 12 ngách 24 ngõ 97 đường Văn C, phường L, quận Ba Đình, Hà Nội, N trả chị Th 25 triệu đồng và ngày 31/8/2016 chị Th được chị Chu Thu T hoàn lại 8.000.000đ. Tổng số tiền N đã trả chị Th là 200.800.000đ.

Ngoài ra, trước khi chị Th và N hợp tác mở trung tâm anh ngữ Toàn Cầu, N còn vay chị Th 1000USD và 1515 bảng Anh đã trả được 5 triệu đồng số tiền còn lại N vẫn còn nợ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã thu giữ 100 chiếc áo đồng phục học sinh màu trắng tại nhà chị Trần Thị Mai, ở số 30 đường Phù Nghĩa, phường Hạ Long, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo N khai nhận: Khoảng tháng 12 năm 2015 N và chị Th có thỏa thuận cùng nhau hợp tác mở trung tâm Anh ngữ Toàn Cầu tại thành phố N. Thời gian đầu chị Th ứng trước tiền để N thuê địa điểm đặt trụ sở, mua sắm trang thiết bị và lo các thủ tục giấy tờ pháp lý thành lập trung tâm. Từ ngày 13/12/2015 đến ngày 14/01/2016 N nhận được 98 triệu đồng từ chị Th và thông qua ông Dương Xuân L. N đã sử dụng 98 triệu đồng vào việc thuê địa điểm, mua giấy dán tường, làm biển quảng cáo, mua và in áo phông và mua máy tính, máy in tổng số hết 101.030.000đ, số tiền chênh lệch 3.030.000đ là của N bỏ ra. Sau đó, N tiến hành các thủ tục để thành lập trung tâm, nhưng không có kết quả và xác định không thể thực hiện được việc mở trung tâm. Thời gian này, cuộc sống gia đình N gặp nhiều khó khăn như chồng bị tai nạn giao thông phải điều trị, em trai là Đỗ Trung Q nợ tiền người khác, N cần tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Th bằng cách nói dối cần mua bàn ghế học sinh, mua bảng tương tác, mua phần mềm quản lý giáo dục, để chị Th tin tưởng và đã chuyển về cho N 5 lần với tổng số tiền là 254.074.000đ. Số tiền này, N không phục vụ vào trung tâm mà dùng mua thuốc cho chồng, trả nợ cho em trai và tiêu sài hết. Bị cáo xác nhận đã phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát tỉnh Nam Định truy tố, bị cáo đã khắc phục hậu quả trả cho chị Th là 200.800.000đ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Hà là người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị Ngọc Th trình bày: Bị cáo N đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Th là 254.074.000đ đã trả cho chị Th 200.800.000đ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và buộc bị cáo phải trả cho chị Th số tiền còn lại là 53.274.000đ theo lãi suất Ngân hàng.

Ông Đỗ Minh C là người làm chứng trình bày: Do chị Th học cùng với con gái ông nên chị Th đã nhờ ông đã chuyển vào tài khoản Vietcombank của N hai lần cụ thể lần thứ nhất là 24.862.000đ và lần thứ hai là 92.253.000đ.

Bản cáo trạng số 87/QĐ-KSĐT ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đỗ Thị N về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định truy tố. Sau khi, đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thị N từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLHS) đề nghị Hội đồng xét xử trả lại toàn bộ vật chứng đã thu giữ cho chị Th.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS, bị cáo N phải bồi thường cho chị Bùi Thị Ngọc Th số tiền 53.274.000đ.

Bị cáo N nói lời sau cùng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo và rất hối hận về hành vi phạm tội và đã khắc phục số tiền chiếm đoạt là 200.800.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về xã hội để nuôi dạy các con và trả số tiền còn nợ cho chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào kết quả điều tra và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thấy: Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Thị N tại phiên tòa được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, các tin nhắn của bị cáo gửi cho chị Th và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Cuối tháng 1/2016 vì không lo được các thủ tục pháp lý để thành lập trung tâm Anh ngữ, bị cáo N quyết định dừng mọi hoạt động, nhưng do cần tiền chi tiêu cuộc sống bị cáo N đã nói dối cần tiền mua bàn ghế học sinh, mua bảng tương tác, mua phần mềm quản lý giáo dục, để chị Th tin tưởng gửi tiền về cho N và đã chiếm đoạt tiền của chị Th là 254.074.000đ.

[3] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân, gây ảnh hưởng tới quan hệ hợp tác kinh doanh, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đảm bảo đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khi lượng hình, xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã tự nguyện khắc phục phần lớn số tiền chiếm đoạt, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự hoàn cảnh khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p, b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS sự nên Hội đồng xét thấy có đủ điều kiện áp dụng Điều 47 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã thu giữ 100 chiếc áo đồng phục học sinh màu trắng, nguồn tiền là do chị Th gửi về để bị cáo N mua phục vụ cho hoạt động của Trung tâm Anh ngữ, áp dụng Điều 41 BLHS trả lại cho chị Th.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền N đã chiếm đoạt của chị Th là 254.074.000đ đã trả cho chị Th là 200.800.000đ còn là 53.274.000đ. Áp dụng Điều 42 BLHS buộc N phải tiếp tục trả cho chị Th. Do trong quá trình điều tra, truy tố về hành vi chiếm đoạt của bị cáo, chị Th không yêu cầu N phải trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Th mới có đơn yêu cầu trả lãi. Do vậy, bị cáo N phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền 53.274.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật dân sự.

[8] Đối với số tiền N đã nhận của chị Th là 98.000.000đ đã dùng vào việc thuê địa điểm, mua sắm trang thiết bị cho trung tâm anh ngữ và N đã thanh toán là 101.030.000đ trong đó có 3.030.000đ theo N khai là tiền của N. Xét thấy, đây là quan hệ dân sự nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại cơ quan điều tra chị Trần Thị Mai trình bày: Ngày 26/12/2015 chị M và bị cáo N đã ký hợp đồng thuê nhà số 30 đường Phù Nghĩa, thành phố N thời hạn thuê là 3 năm thỏa thuận 10.000.000đ/tháng, 6 tháng trả một lần, hợp đồng đã được công chứng chứng thực. N đã trả trước tiền thuê nhà là 3 tháng là 30.000.000đ, đề nghị N phải trả tiếp 3 tháng thuê nhà nữa là 30.000.000đ. Tại phiên tòa chị M có đơn xin xử vắng mặt và chị giữ nguyên lời trình bày tại cơ quan điều tra. Xét thấy, việc thuê nhà giữa chị M và N là quan hệ dân sự nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cơ quan điều tra chị Ngô Thị Phương A trình bày: Chị Th hỏi vay tiền để phục vụ trung tâm Anh ngữ, sau đó

chị đã chuyển vào tài khoản của N 50 triệu đồng, chị đề nghị bị cáo N hoàn lại tiền cho chị Th để chị Th trả chị. Tại phiên tòa chị A có đơn xin xử vắng mặt và chị giữ nguyên lời trình bày tại cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa chị Th và chị Ngô Thị Phương A là quan hệ dân sự nên Hội đồng xét xử xét tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

[11] Trước khi chị Th và bị cáo N thỏa thuận với nhau về hợp tác mở trung tâm Anh ngữ Toàn Cầu, chị Th còn cho bị cáo N vay 1000USD và 1515 bảng Anh và N đã trả được 5.000.000đ. Xét thấy, đây là quan hệ dân sự nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị N phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự; điểm p,b khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N 5(năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Đỗ Thị N phải trả cho chị Bùi Thị Ngọc Th số tiền là 53.274.000đ.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS trả lại toàn bộ vật chứng đã thu giữ cho chị Bùi Thị Ngọc Th. Chi tiết cụ thể được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 16/18 ngày 27/11/2017 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Thị N phải nộp là 200.000đ.

Bị cáo và người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TAND Tối cao;

Công an tỉnh Nam Định;

VKS tỉnh Nam Định;

Bị cáo; Người tham gia tố tụng;

UBND phường (nơi bị cáo cư trú);

Lưu VT; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thu